

TCVN

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 5945:2005

Xuất bản lần 2

NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP - TIÊU CHUẨN THẢI

Industrial waste water - Discharge standards

HÀ NỘI - 2005

Lời nói đầu

TCVN 5945 : 2005 thay thế cho TCVN 5945 : 1995.

TCVN 5945 : 2005 do Ban kĩ thuật Tiêu chuẩn TCVN / TC 147 "*Chất lượng nước*" biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Nước thải công nghiệp – Tiêu chuẩn thải

Industrial waste water - Discharge standards

1 Phạm vi áp dụng

1.1 Tiêu chuẩn này qui định giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ,... (gọi chung là "nước thải công nghiệp").

1.2 Tiêu chuẩn này dùng để kiểm soát chất lượng nước thải công nghiệp khi thải vào các thủy vực có mục đích sử dụng nước cho sinh hoạt, thủy vực có các mục đích sử dụng nước với yêu cầu chất lượng nước thấp hơn, hoặc vào các nơi tiếp nhận nước thải khác.

2 Giá trị giới hạn

2.1 Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm của nước thải công nghiệp khi đổ vào các thủy vực không vượt quá các giá trị tương ứng qui định trong bảng 1.

2.2 Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm bằng hoặc nhỏ hơn giá trị qui định trong cột A có thể đổ vào các thủy vực thường được dùng làm nguồn nước cho mục đích sinh hoạt.

2.3 Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm lớn hơn giá trị quy định trong cột A nhưng nhỏ hơn hoặc bằng giá trị qui định trong cột B thì được đổ vào các thủy vực nhận thải khác trừ các thủy vực quy định ở cột A.

2.4 Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm lớn hơn giá trị qui định trong cột B nhưng không vượt quá giá trị qui định trong cột C chỉ được phép thải vào các nơi được qui định (như hồ chứa nước thải được xây riêng, cống dẫn đến nhà máy xử lý nước thải tập trung...).

2.5 Thành phần nước thải có tính đặc thù theo lĩnh vực/ngành công nghiệp của một số hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ cụ thể, được qui định trong các tiêu chuẩn riêng.

2.6 Phương pháp lấy mẫu, phân tích, tính toán, xác định từng thông số và nồng độ cụ thể của các chất ô nhiễm được qui định trong các TCVN hiện hành hoặc do cơ quan có thẩm quyền chỉ định.

Bảng 1 - Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải công nghiệp

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn		
			A	B	C
1	Nhiệt độ	°C	40	40	45
2	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9	5 đến 9
3	Mùi	-	Không khó chịu	Không khó chịu	-
4	Màu sắc, Co-Pt ở pH=7		20	50	-
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	50	100
6	COD	mg/l	50	80	400
7	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100	200
8	Asen	mg/l	0,05	0,1	0,5
9	Thuỷ ngân	mg/l	0,005	0,01	0,01
10	Chì	mg/l	0,1	0,5	1
11	Cadimi	mg/l	0,005	0,01	0,5
12	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1	0,5
13	Crom (III)	mg/l	0,2	1	2
14	Đồng	mg/l	2	2	5
15	Kẽm	mg/l	3	3	5
16	Niken	mg/l	0,2	0,5	2
17	Mangan	mg/l	0,5	1	5
18	Sắt	mg/l	1	5	10
19	Thiếc	mg/l	0,2	1	5
20	Xianua	mg/l	0,07	0,1	0,2
21	Phenol	mg/l	0,1	0,5	1
22	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5	5	10
23	Dầu động thực vật	mg/l	10	20	30
24	Clo dư	mg/l	1	2	-
25	PCBs	mg/l	0,003	0,01	-
26	Hoá chất bảo vệ thực vật: Lân hữu cơ	mg/l	0,3	1	
27	Hoá chất bảo vệ thực vật: Clo hữu cơ	mg/l	0,1	0,1	-

Bảng 1 - (kết thúc)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn		
			A	B	C
28	Sunfua	mg/l	0,2	0,5	1
29	Florua	mg/l	5	10	15
30	Clorua	mg/l	500	600	1000
31	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	5	10	15
32	Tổng nitơ	mg/l	15	30	60
33	Tổng photpho	mg/l	4	6	8
34	Coliform	MPN/100ml	3000	5000	-
35	Xét nghiệm sinh học (Bioassay)		90% cá sống sót sau 96 giờ trong 100% nước thải		-
36	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1	-
37	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0	-